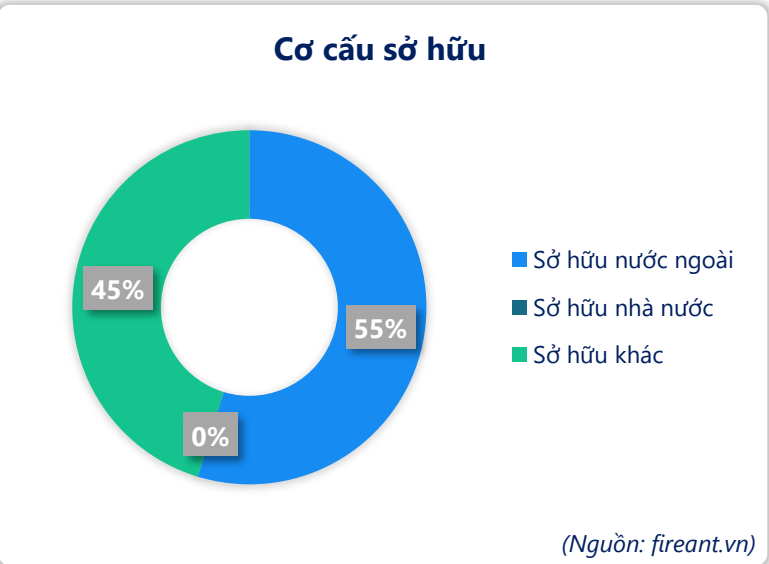
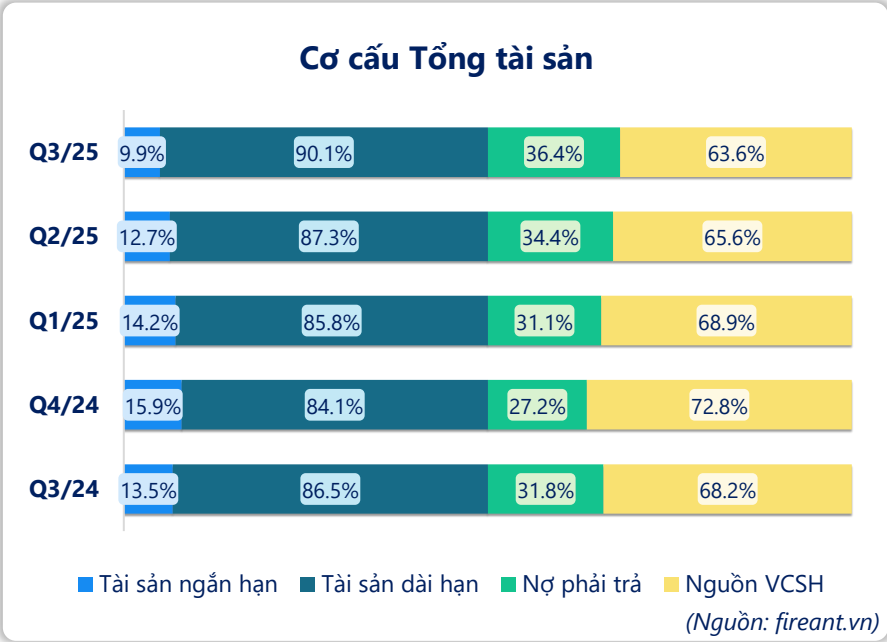
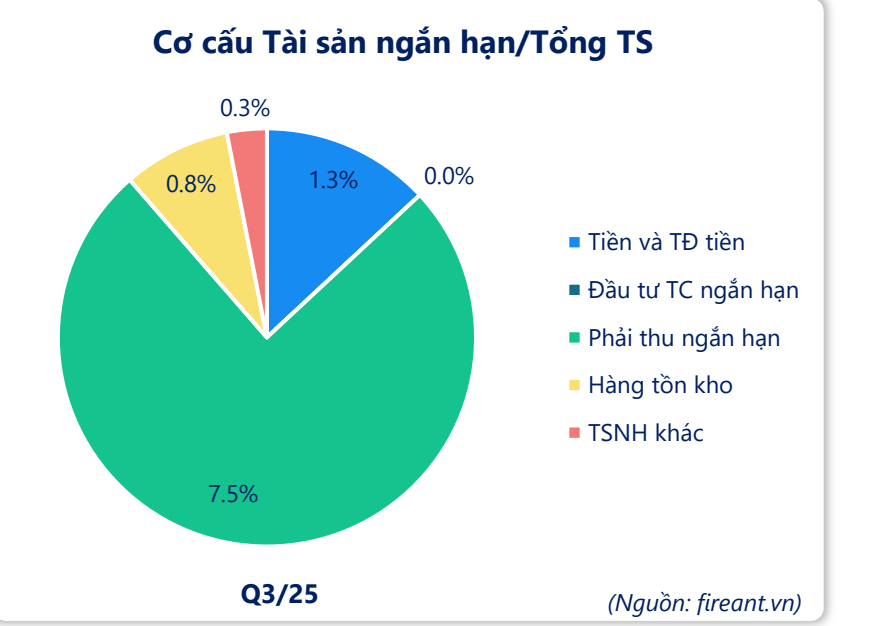
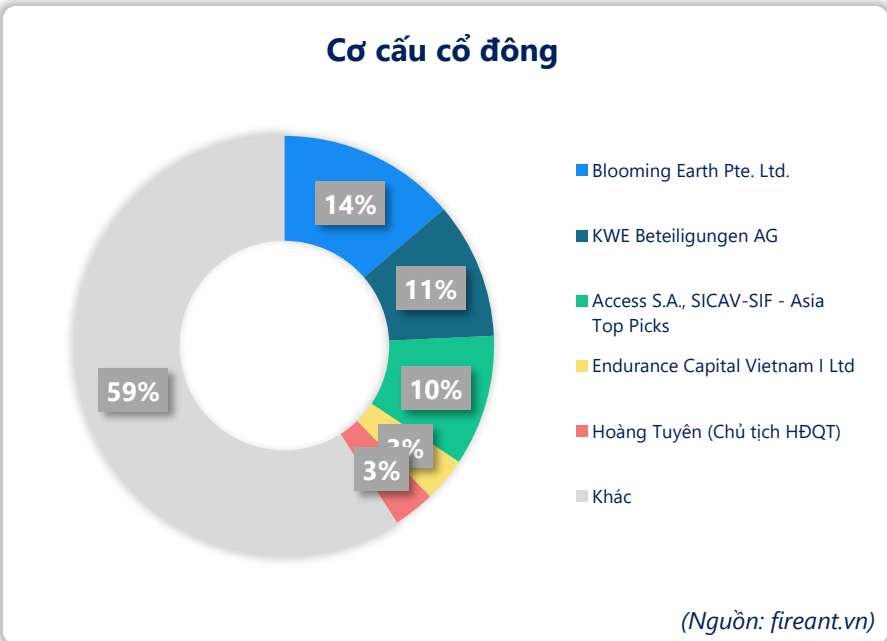
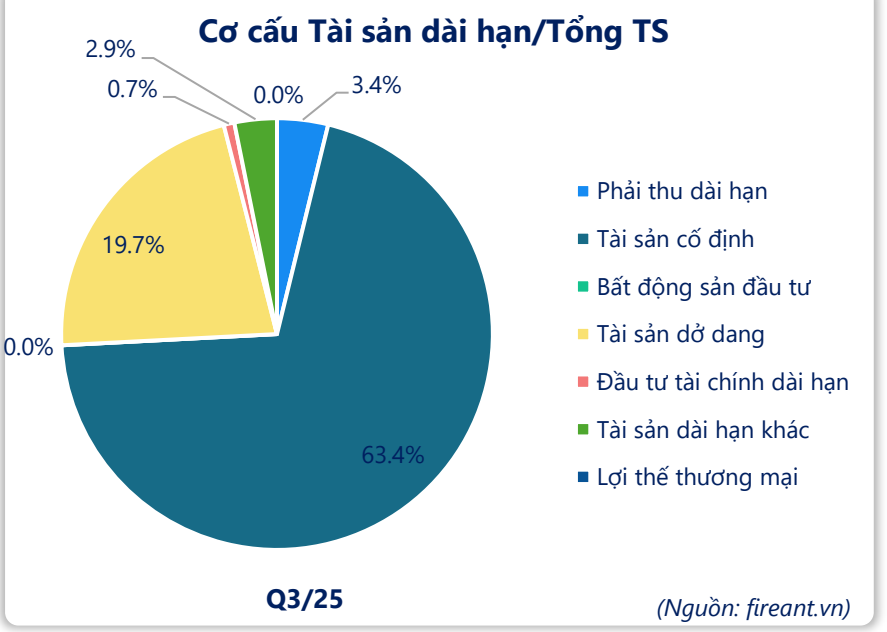


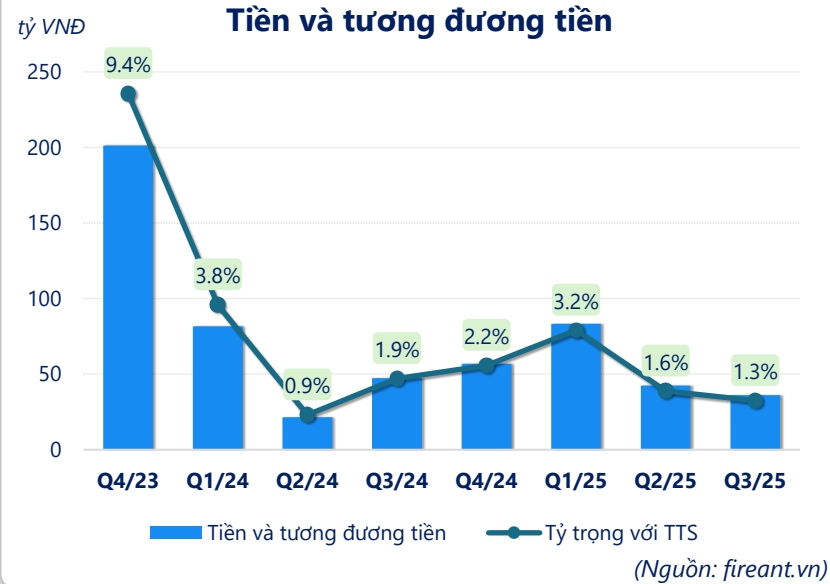
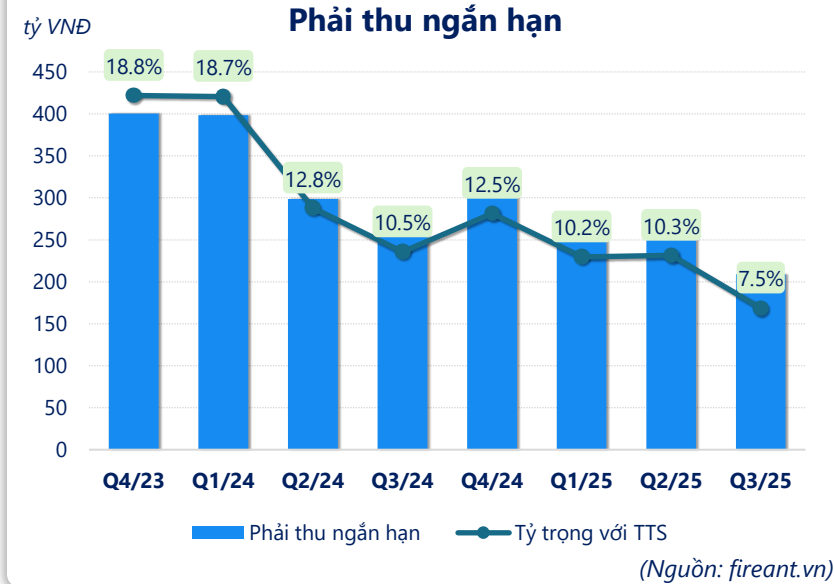
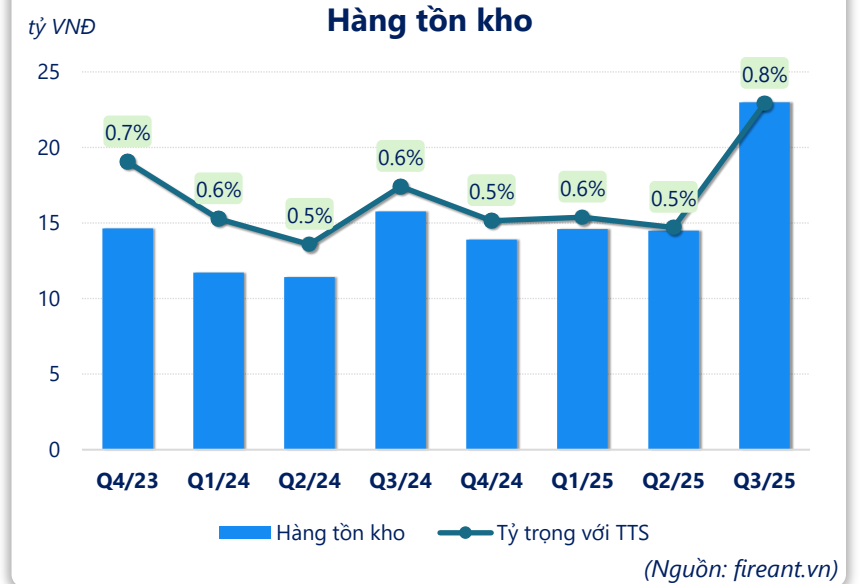
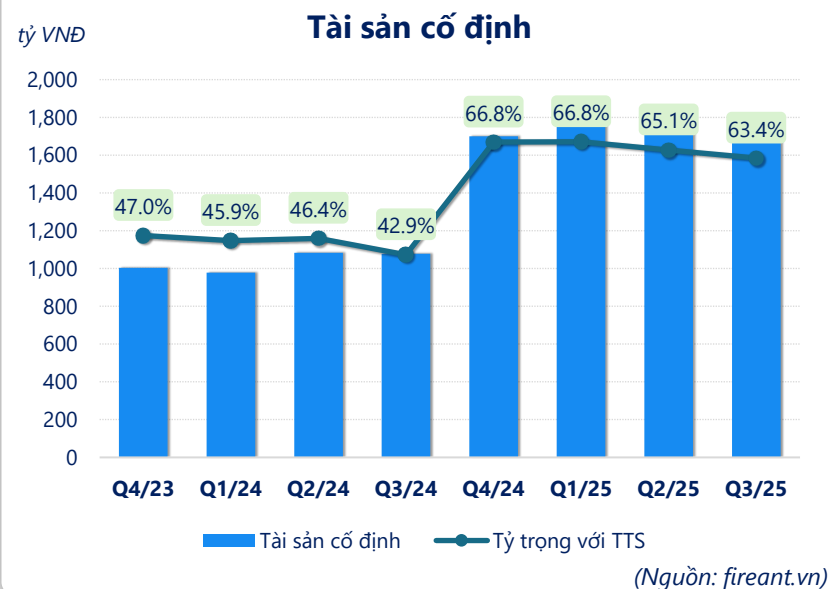
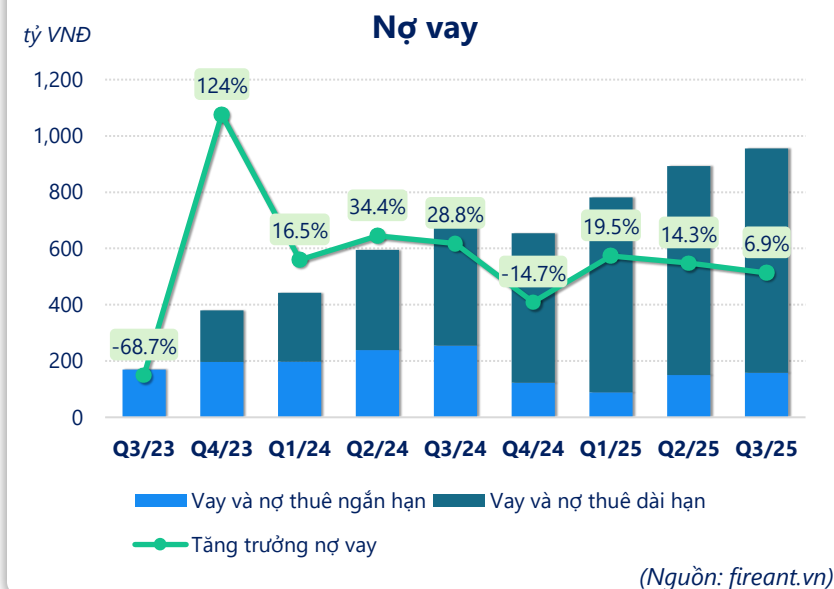
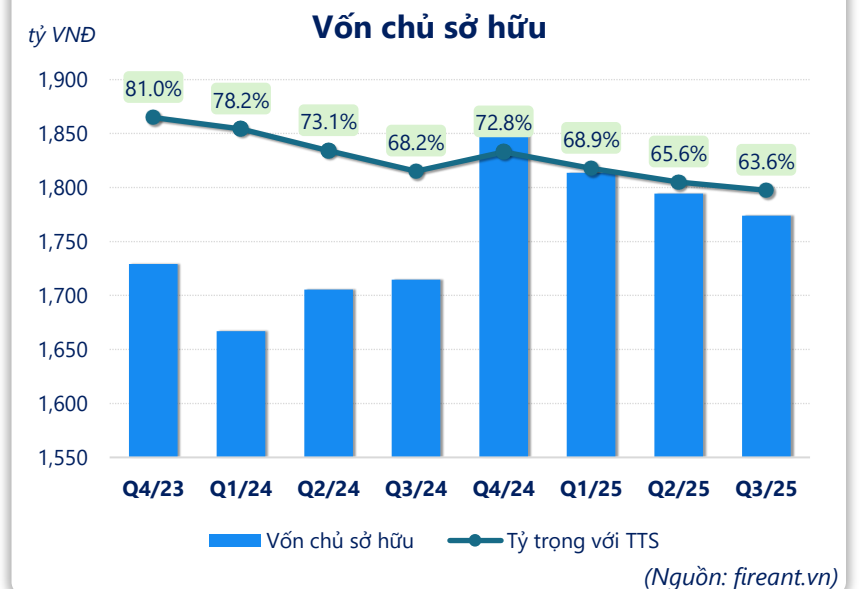
Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		18,522
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		13,130
SL cổ phiếu LH		165,751,943
KLGD BQ 20 phiên (CP)		372,634
% sở hữu nước ngoài		54.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,221
P/E		-25.2
EPS		-532

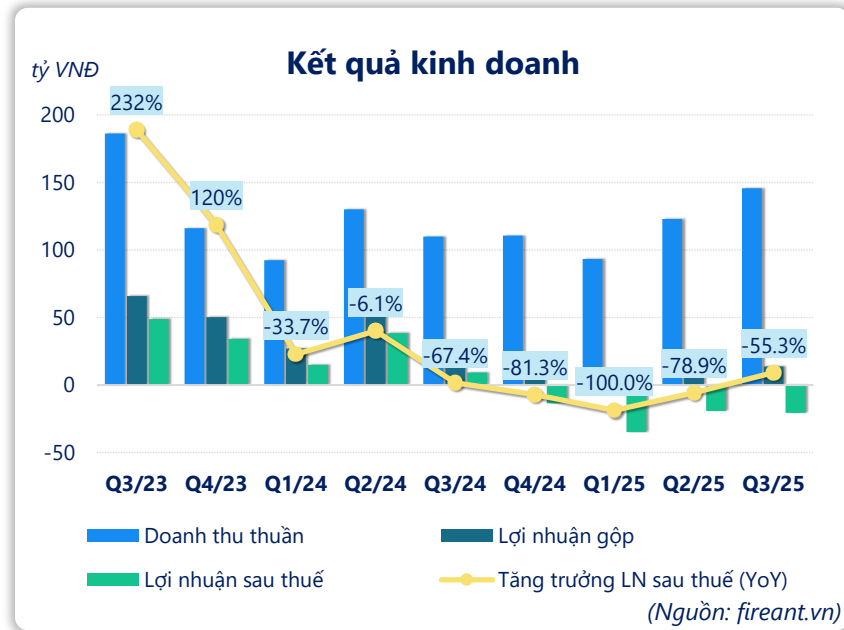
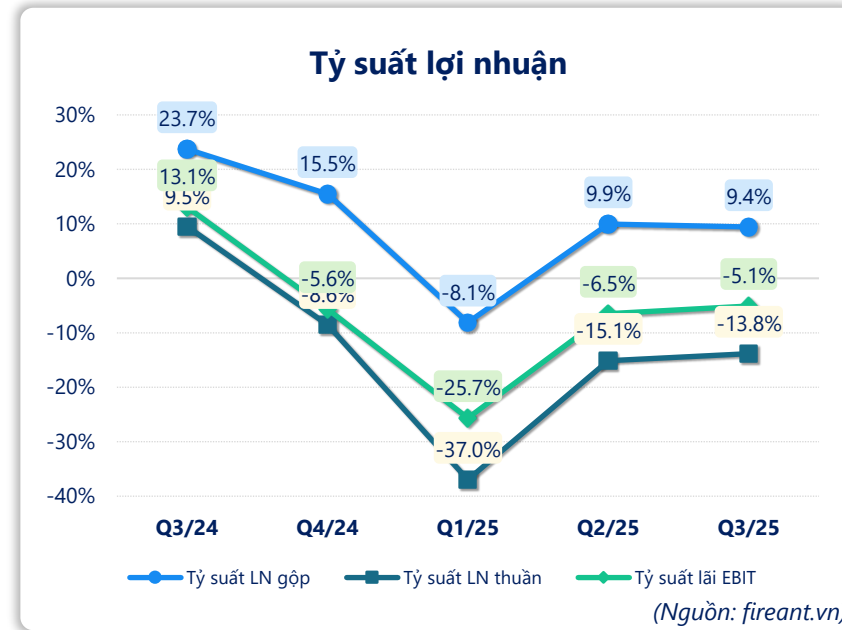
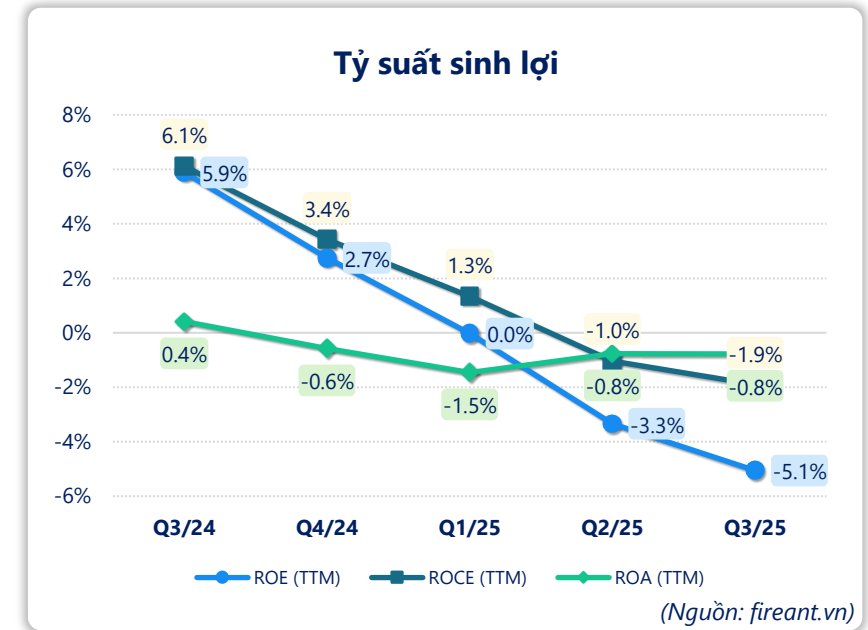
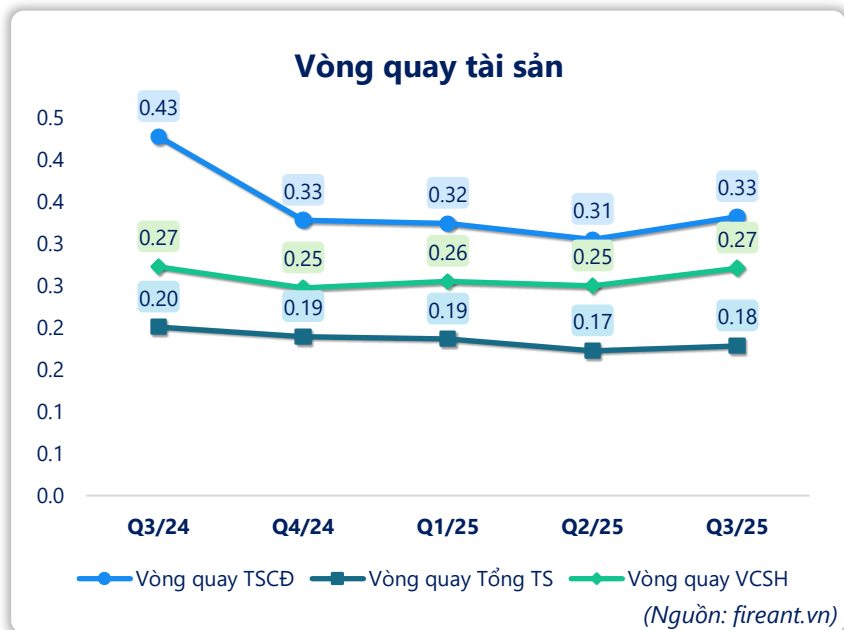
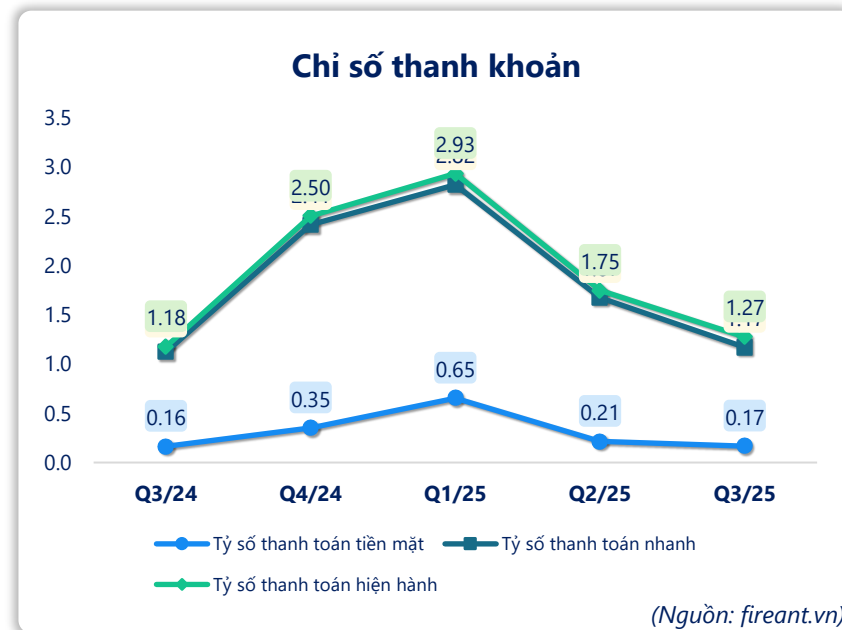
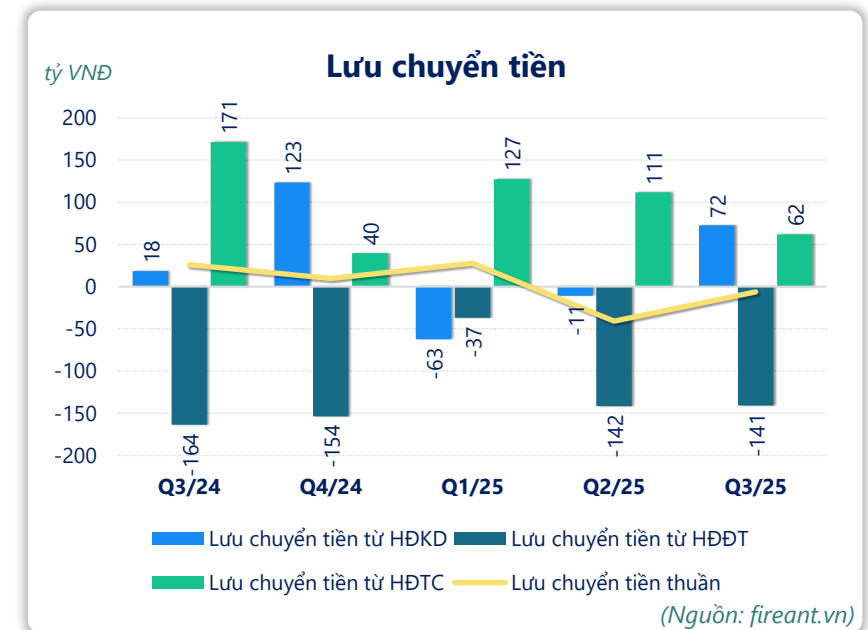
	YTD	1T	3T	6T
TNH	-18.9%	-6.0%	-8.0%	-15.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%



CTCP Tập đoàn Bệnh viện TNH (HSX: TNH)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,788	2,544	9.6%
Tài sản ngắn hạn	277	298	-7.2%
Tiền và tương đương tiền	36.1	55.6	-35.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	209	221	-5.3%
Hàng tồn kho	23.0	13.9	65.5%
Tài sản ngắn hạn khác	8.52	7.97	7.0%
Tài sản dài hạn	2,511	2,246	11.8%
Phải thu dài hạn	96.0	96.0	0.0%
Tài sản cố định	1,766	1,760	0.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	549	288	90.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	20.0	20.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	79.6	81.9	-2.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,014	695	45.8%
Nợ ngắn hạn	217	162	34.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	158	121	31.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	34.6	24.1	43.6%
Nợ dài hạn	797	533	49.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	797	533	49.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,774	1,849	-4.1%
Vốn chủ sở hữu	1,774	1,849	-4.1%
Vốn điều lệ	1,442	1,442	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	110	111	93.4	123	146
Giá vốn hàng bán	83.9	93.6	101	111	132
Lợi nhuận gộp	26.1	17.1	-7.58	12.2	13.7
Doanh thu HĐTC	0.01	0.03	0.15	0.54	0.02
Chi phí TC	3.81	6.77	10.8	10.7	12.6
Chi phí lãi vay	3.81	6.77	10.8	10.7	12.6
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.69	0.80	1.19	1.68	2.20
Chi phí QLDN	11.1	19.1	15.1	19.0	19.1
LN thuần từ HĐKD	10.4	-9.47	-34.5	-18.6	-20.1
Lợi nhuận khác	0.10	-3.54	-0.27	-0.05	0.18
LN trước thuế	10.5	-13.0	-34.8	-18.6	-19.9
Lợi nhuận sau thuế	9.19	-13.6	-34.8	-19.3	-20.6
LNST của CĐ cty mẹ	9.25	-13.6	-34.8	-19.3	-20.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	18.3	123	-62.5	-10.7	72.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-164	-154	-37.1	-142	-141
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	171	39.7	127	111	62.1
Tiền đầu kỳ	21.5	47.3	55.6	83.3	42.4
Lưu chuyển tiền thuần	25.8	9.46	27.7	-40.9	-6.28
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	47.3	56.8	83.3	42.4	36.1

(Nguồn: fireant.vn)